

**PHỤ LỤC 2a: DANH MỤC CÔNG CỤ DỤNG MÁY BIẾN ÁP THANH LÝ ĐỢT 1/2026 thuộc chất  
thải nguy hại**

Stt	Số máy	kVA	Tình trạng	Hiệu máy	Đơn vị	Số lượng	Mã vật tư	Mã CTNH
<b>I</b>	<b>Tại trụ sở chính</b>							
1	4022115012114	15	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.014.VIE.00.B1	170304
2	11097216	15	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.915.VIE.00.B1	170304
3	20901137	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
4	20321571-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
5	2020218	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
6	20202320	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
7	5091215-2	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
8	7092125199972	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
9	4032125053474	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
10	21201261	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
11	LIPC22505192	25	Kém	LIOA	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
12	LIPC22505231	25	Kém	LIOA	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
13	LIPC2250555	25	Kém	LIOA	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
14	LIPC22505206	25	Kém	LIOA	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
15	LIPC2250576	25	Kém	LIOA	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
16	LIPC22505190	25	Kém	LIOA	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
17	LIPC22505219	25	Kém	LIOA	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
18	21101151	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
19	21101293	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
20	20102103	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
21	20621696-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.927.VIE.00.B1	170304
22	11021616-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
23	Mat Nameplate Mã số (13000003)	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1 0	170304
24	20321238-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
25	00921234-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
26	20321239-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
27	60121015-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
28	90221279-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
29	60221285-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
30	00121200-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
31	80721545-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
32	5111339-21	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
33	00121173-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
34	00121332-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
35	2019725	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
36	20905285	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
37	2049834	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
38	00121325-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
39	80821637-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
40	81121990-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
41	20621743-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
42	00121203-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
43	21197316	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
44	21297711	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
45	60521473-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
46	20998419	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
47	00121322-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
48	10221567-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
49	2019943	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.924.VIE.00.B1	170304
50	11021631-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
51	11021648-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304

Stt	Số máy	kVA	Tình trạng	Hiệu máy	Đơn vị	Số lượng	Mã vật tư	Mã CTNH
52	20621684-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
53	30221724-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
54	11021642-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
55	11121730-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
56	11021639-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
57	30221783-22	25	Hư hỏng	Thibidi	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
58	30221713-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
59	30221775-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
60	90321416-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
61	21297363	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
62	30221734-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
63	20621698-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
64	21197309	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
65	60221182-2	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
66	20497142	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
67	2019785	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
68	60321382-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
69	60421429-2	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
70	11021623-22	25	Hư hỏng	Thibidi	Cái	1	3.56.91.928.VIE.00.B1	170304
71	2020014	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
72	21201250	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
73	21199436	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
74	20321269-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
75	11021610-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
76	2119971	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
77	LIPC2250525	25	Kém	LIOA	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
78	LIPC220574	25	Kém	LIOA	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
79	LIPC2250590	25	Kém	LIOA	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
80	20800444	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
81	20200108	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
82	21199331	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
83	21199338	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
84	21199407	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
85	LIPC2250549	25	Hư hỏng	LIOA	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
86	21199403	25	Hư hỏng	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
87	21299165	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
88	11021716-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
89	30721359-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
90	30121003-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
91	30721469-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
92	11021718-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
93	11021719-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
94	2020005	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
95	20200243	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
96	20504250	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
97	30721519-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
98	11121751-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
99	11021682-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
100	21021699-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
101	2020037	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
102	21201253	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
103	2129921	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
104	4032125053504	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
105	31021978-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
106	2120119	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
107	5092125176013	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304

Stt	Số máy	kVA	Tình trạng	Hiệu máy	Đơn vị	Số lượng	Mã vật tư	Mã CTNH
108	21199321	25	Hư hỏng	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
109	21199435	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
110	21199349	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
111	21299173	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
112	11121942-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
113	2129920	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
114	4032125053539	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
115	10221600-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
116	21201125	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
117	21199382	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
118	11021661-22	25	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
119	21199340	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
120	20300166	25	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.929.VIE.00.B1	170304
<b>II</b>	<b>Tại cơ sở 2</b>							
1	8022115039260	15	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.015.VIE.00.B1	170304
2	8022115038417	15	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.015.VIE.00.B1	170304
3	S010902196	15	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.015.VIE.00.B1	170304
4	S010999107	15	Kém	Cơ Điện	Cái	1	3.56.91.015.VIE.00.B1	170304
5	31101198-22	15	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.015.VIE.00.B1	170304
6	31101206-22	15	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.015.VIE.00.B1	170304
7	11101346-22	15	Kém	Thibidi	Cái	1	3.56.91.015.VIE.00.B1	170304
8	01001924-22	15	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.015.VIE.00.B1	170304
9	80101009-22	15	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.015.VIE.00.B1	170304
10	10401285-22	15	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.015.VIE.00.B1	170304
11	8022115038521	15	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.015.VIE.00.B1	170304
12	20521603-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
13	30521644-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
14	30821589-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
15	00621444-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
16	S020103580	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
17	S021103810	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
18	S020499189	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
19	20421816-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
20	31221101-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
21	31021948-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
22	31221089-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
23	311221597	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
24	5042125068887	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
25	5042125068919	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
26	5042125068920	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
27	21005307	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
28	10821726-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
29	11021525-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
30	21021795-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
31	21121836-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
32	30421429-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
33	31021945-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
34	90421487-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
35	90721685-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
36	S02041120	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
37	01021294-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
38	31121363-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
39	31121377-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
40	21121867-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
41	10921956-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
42	11021533-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304

Stt	Số máy	kVA	Tình trạng	Hiệu máy	Đơn vị	Số lượng	Mã vật tư	Mã CTNH
43	S021099229	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
44	S021005179	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
45	6122125219065	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
46	S021196293	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
47	30421244-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
48	10821731-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
49	00121126-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
50	S02041108	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
51	S020498281	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
52	31121373 -22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
53	30521485-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
54	E11085011	25	Kém	Q-Star	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
55	S020399135	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
56	20921357-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
57	31221595-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
58	6122125220257	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
59	E11085018	25	Kém	Q-Star	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
60	6122125220284	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
61	6122125220250	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
62	6122125220267	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
63	30621007-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
64	11021325-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
65	7062125125529	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
66	21121837-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
67	11021309-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
68	30321081-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
69	21021803-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
70	21021807-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
71	5042125069162	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
72	10921227-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
73	00621317-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
74	7082125166750	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
75	00621449-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
76	S02041118	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
77	4042125058934	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
78	31221783-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
79	31121379-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
80	30521657-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
81	20104195	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
82	E100438	25	Kém	Q-Star	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
83	S021013391	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
84	30321196-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
85	S020499136	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
86	61121853-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
87	00521031-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
88	20521628-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
89	30421229-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
90	6122125219043	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
91	6122125219089	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
92	6122125219084	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
93	31221099-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
94	4042125058703	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
95	61021742-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
96	30721416-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
97	30721289-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
98	30821566-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304

Stt	Số máy	kVA	Tình trạng	Hiệu máy	Đơn vị	Số lượng	Mã vật tư	Mã CTNH
99	21021778-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
100	S02029911	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
101	30721432-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
102	30721303-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
103	7082125166869	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
104	6012125013187	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
105	00921184-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
106	S02011245	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
107	10821718-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
108	21021810-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
109	S020199260	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
110	S021105354	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
111	21021796	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
112	S02011283	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
113	11221451-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
114	20421817-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
115	6012125013224	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
116	30721336-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
117	5092125178311	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
118	6122125220173	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
119	5042125069099	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
120	31221090-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
121	S02109830	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
122	21121860-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
123	4042125059017	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
124	8042125074710	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
125	20102111	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.VIE.00.B1	170304
126	3193051854	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
127	161251047	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
128	21021788-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
129	30621971-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
130	31221107-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
131	5042125068862	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
132	S020999160	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
133	30621974-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
134	31221110-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
135	161251372	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
136	10921208-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
137	10221474-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
138	4042125058874	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
139	131251325	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
140	10921200-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
141	30521699-22	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
142	4042125059035	25	Kém	THI	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
143	20302291	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
144	21204272	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
145	21204265	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
146	20405253	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
147	21204269	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
148	21204270	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
149	20405251	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
150	21204266	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
151	20405250	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
152	21204271	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304
153	S021013392	25	Kém	EMC	Cái	1	3.56.91.025.000.00.D10	170304